

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP

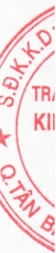
Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THUẾ - TƯ VẤN SÀI GÒN

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	04 - 07
- Báo cáo kết quả kinh doanh	08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (Nagecco) (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300403987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2007 trên cơ sở cổ phần hóa DNNN là Công ty Tư vấn Xây dựng Tổng hợp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 05 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 27.000.000.000 VND.

Địa chỉ trụ sở chính tại Số 29Bis, đường Nguyễn Đình Chiểu, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực hoạt động

Lĩnh vực hoạt động chính của công ty là tư vấn thiết kế, lập dự án, khảo sát, đo đạc địa hình. Quy hoạch xây dựng, thiết kế công trình, thi công xây lắp thực nghiệm.

Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát & Ban Tổng Giám Đốc

Hội đồng Quản trị:

Ông NGUYỄN KIẾN CƯỜNG	Chủ tịch
Ông THÂN HỒNG LINH	Thành viên
Ông ĐẶNG NGUYỄN ÂN	Thành viên
Ông PHẠM KHÁNH TOÀN	Thành viên
Ông TRẦN THANH SƠN	Thành viên

Ban kiểm soát:

Bà NGUYỄN THỊ KIM DUNG	Trưởng ban
Ông VŨ VĂN TUẤN	Thành viên
Ông TRẦN THIÊN TÂM	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông ĐẶNG NGUYỄN ÂN	Tổng Giám đốc	
Ông NGUYỄN XUÂN HIỆP	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm từ ngày 01/09/2013)
Ông PHẠM KHÁNH TOÀN	Phó Tổng Giám đốc	
Ông NGUYỄN VĂN VINH	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng

Ông NGHIÊM MẠNH HOÀNG	Kế toán trưởng
-----------------------	----------------

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm Toán - Thuế - Tư vấn Sài Gòn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám Đốc
Tổng Giám Đốc



ĐANG NGUYỄN ÂN

0853
CÔNG TY
KHU
N TH
ÁN
GÒN
HỒ

Số : 12057/AR-FA/SGA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị;
Ban Tổng Giám đốc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp, được lập ngày 25/1/2013, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được đầy đủ các thư xác nhận công nợ tại thời điểm 31/12/2013 liên quan đến khoản người mua trả tiền trước 47 tỷ đồng. Ngoài ra, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán khác thay thế để đưa ra ý kiến về khoản nợ nêu trên.

Theo ý kiến của chúng tôi, Ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm Toán - Thuế - Tư vấn Sài Gòn

Giám Đốc



BUI TRUNG HIẾU

Số chứng chỉ hành nghề
KTV số 1341-2013-207-1

Kiểm toán viên

HOÀNG THỊ TRÚC HƯƠNG

Số chứng chỉ hành nghề
KTV số 1809-2013-207-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN			96.966.130.258	102.368.875.293
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.245.603.417	11.924.165.680
1. Tiền	111		8.245.603.417	8.878.241.305
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.045.924.375
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	11.015.000.000	20.350.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.015.000.000	20.350.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.498.589.678	25.201.482.892
1. Phải thu khách hàng	131		29.485.600.414	18.907.350.956
2. Trả trước cho người bán	132		263.548.125	187.985.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.3	4.826.517.182	8.158.298.450
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(4.077.076.043)	(2.052.151.514)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	40.969.691.750	37.734.800.915
1. Hàng tồn kho	141		40.969.691.750	37.734.800.915
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.237.245.413	7.158.425.806
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		392.744.086	209.661.082
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		210.965.095	357.823.166
3. Các khoản thuế phải thu	153	V.5	124.186.876	29.297.851
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.509.349.356	6.561.643.707

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			29.007.345.955	20.099.546.138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.393.641.310	6.726.985.296
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	4.291.195.678	4.884.099.838
Nguyên giá	222		24.270.367.028	24.139.663.799
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.979.171.350)	(19.255.563.961)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		1.548.809.268	1.842.885.458
Nguyên giá	228		4.568.486.340	4.500.658.840
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.019.677.072)	(2.657.773.382)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	553.636.364	
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	19.572.219.531	12.750.600.300
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.845.360.000	1.845.360.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		29.866.629.106	24.866.629.106
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(12.139.769.575)	(13.961.388.806)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.041.485.114	621.960.542
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	3.041.485.114	621.960.542
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		125.973.476.213	122.468.421.431

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		86.664.756.414	85.001.916.880
I. Nợ ngắn hạn	310		85.416.093.825	82.715.802.588
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	-	1.600.000.000
2. Phải trả người bán	312		5.868.658.506	1.545.488.606
3. Người mua trả tiền trước	313		47.380.919.630	52.049.623.091
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	V.11	5.052.655.080	6.007.665.155
5. Phải trả công nhân viên	315		5.289.591.819	2.390.639.125
6. Chi phí phải trả	316		593.169.617	829.304.055
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	20.096.910.361	17.018.100.596
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.134.188.812	1.274.981.961
II. Nợ dài hạn	330		1.248.662.589	2.286.114.292
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		43.568.968	924.250.787
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		1.205.093.621	1.361.863.505
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.308.719.799	37.466.504.551
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	39.301.523.782	37.459.308.534
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.164.074.547	8.541.126.006
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.956.936.145	1.644.001.862
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		180.513.090	274.180.666
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		7.196.017	7.196.017
1. Nguồn kinh phí	432		7.196.017	7.196.017
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		125.973.476.213	122.468.421.431

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

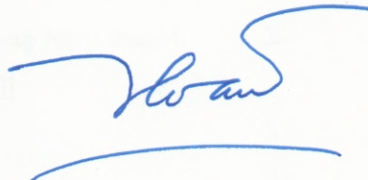
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại			
USD		-	739,00
EUR		-	201,94
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
Nguồn khấu hao cơ bản hiện có		-	-

Người lập



LÊ THỊ THÚY NGA

Kế toán trưởng



NGHIÊM MẠNH HOÀNG

Ngày 21 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



ĐẶNG NGUYÊN ÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	126.359.297.315	120.293.682.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.2	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	VI.3	126.359.297.315	120.293.682.876
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	112.360.307.197	105.763.987.098
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 -11)	20		13.998.990.118	14.529.695.778
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	5.093.719.335	5.038.129.786
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	(1.812.729.099)	(953.355.117)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	
8. Chi phí bán hàng	24		-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.263.951.759	14.005.988.143
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		5.641.486.793	6.515.192.538
11. Thu nhập khác	31		1.717.636.462	285.390.027
12. Chi phí khác	32		143.233.992	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.574.402.470	285.390.027
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.215.889.263	6.800.582.565
14b. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	50b		-	224.610.745
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	955.268.613	1.066.901.038
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.260.620.650	5.509.070.782
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.319	2.040

Ngày 21 tháng 03 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



LÊ THỊ THÚY NGA

NGHIÊM MẠNH HOÀNG

ĐẶNG NGUYỄN ÂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

NĂM 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	124.075.993.864	124.615.021.545
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(15.820.676.974)	(11.682.687.848)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(61.365.607.501)	(66.089.927.240)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(359.531.300)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.564.423.906)	(882.025.263)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	137.100.016.163	141.469.272.274
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(196.099.044.546)	(192.849.933.390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.033.274.200)	(5.420.279.922)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(314.871.183)	(1.660.438.705)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(22.000.000.000)	(20.350.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	29.498.227.208	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.171.355.912	3.946.340.771
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.354.711.937	(18.064.097.934)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.070.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.070.000.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.240.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(3.240.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(3.678.562.263)	(26.724.377.856)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.924.165.680	38.642.601.010
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.942.526
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	8.245.603.417	11.924.165.680

Người lập

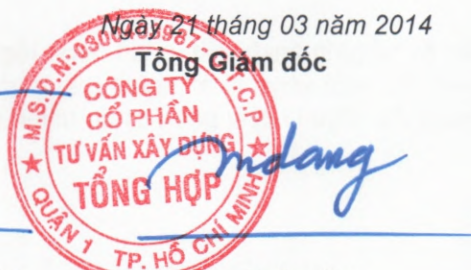
LÊ THỊ THÚY NGA

Kế toán trưởng

NGHIÊM MẠNH HOÀNG

Ngày 21 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



ĐẶNG NGUYỄN ÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

I Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300403987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2007 trên cơ sở cổ phần hóa DNNN là Công ty Tư vấn Xây dựng Tổng hợp ; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 05 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 27.000.000.000 VND.

Địa chỉ trụ sở chính tại Số 29Bis, đường Nguyễn Đình Chiểu, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính là dịch vụ tư vấn xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là tư vấn thiết kế, lập dự án, khảo sát, đo đạc địa hình. Quy hoạch xây dựng, thiết kế công trình, thi công xây lắp thực nghiệm.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được ban hành có liên quan đến hoạt động của Công ty.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.